

KẾ HOẠCH
Kiểm tra công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024

Căn cứ các Văn bản của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh (*Ban Chỉ đạo tỉnh*): Quyết định số 339/QĐ-BCĐCĐS ngày 07 tháng 02 năm 2022 về ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 1085/KH-BCĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2024;

Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; nắm bắt kết quả tích cực đã đạt được, những phương pháp, kinh nghiệm hay trong công tác chuyển đổi số; phát hiện tồn tại, hạn chế cần khắc phục; đề xuất biện pháp, giải pháp thực hiện tốt hơn nhiệm vụ chuyển đổi số trong thời gian tới.

2. Yêu cầu:

- Công tác kiểm tra, đánh giá phải bám sát mục tiêu, nội dung; bảo đảm khách quan, phản ánh trung thực, đúng thực chất, đầy đủ kết quả đạt được; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

- Kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý những tồn tại, hạn chế và các vấn đề khác phát hiện sau kiểm tra; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, không trùng lặp, chồng chéo với các hoạt động kiểm tra khác thuộc phạm vi, quyền hạn của các cơ quan đã được pháp luật quy định.

II. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA

1. Trưởng đoàn: Ông Trần Văn Thu, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh.

2. Phó Trưởng đoàn:

- Ông Nguyễn Trọng Tâm, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.
- Ông Trịnh Văn Minh, Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thành viên:

- Ông Hà Thanh Tuấn, Trưởng phòng Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông.

- Ông Lê Hoàng Thanh Hải, Trưởng phòng Phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật, Sở Xây dựng.

- Bà Trần Thị Thu Huyền, Phó trưởng phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản, Sở Thông tin và Truyền thông.

- Ông Lê Minh Hoàng, Chuyên viên Phòng Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông.

- Ông Nguyễn Huỳnh Hữu Tân, Chuyên viên phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính.

- Bà Chu Thị Kiều Trang, Chuyên viên Phòng Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông (*Thư ký*).

III. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Công tác tổ chức, triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo điều hành về chuyển đổi số

- Việc quán triệt, tổ chức triển khai các nhiệm vụ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao¹.

- Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện hoạt động chuyển đổi số; việc ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số của ngành, địa phương.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Xây dựng, thiết lập và duy trì thường xuyên các chuyên mục về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng; đưa tin, đặt bài, viết bài về chuyển đổi số trên trang tin điện tử, diễn đàn trực tuyến; tuyên truyền trên Cổng/Trang thông tin điện tử, mạng nội bộ của các cơ quan, tổ chức nhà nước.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

3. Triển khai phát triển chính quyền số

- Tình hình triển khai, ứng dụng các phần mềm dùng chung: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin báo cáo; Hệ thống giám sát mã độc; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh,...;

¹ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1250/KH-UBND ngày 29/4/2022 về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch 3894/KH-UBND ngày 15/10/2020 về “triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 419/KH-UBND ngày 01/02/2024 về phát huy ưu điểm và khắc phục một số tồn tại, hạn chế trong công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 4627/KH-UBND ngày 29/12/2023 về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2024; Kế hoạch số 1214/KH-UBND ngày 09/4/2024 về triển khai giải pháp thúc đẩy hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024; Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 về ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, Danh mục cơ sở dữ liệu mở tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 15/3/2024 về triển khai thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; Văn bản số 969/UBND-KGVX ngày 25/3/2024 về triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 934/UBND-KGVX ngày 21/3/2024 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 3898/UBND-KGVX ngày 10/11/2023 về tăng cường công tác quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh,...

- Tình hình triển khai, thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024²; Văn bản số 1111/UBND-TTHCC ngày 03 tháng 4 năm 2024³.

- Tình hình xây dựng, triển khai các ứng dụng chuyên ngành; các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các nền tảng số phục vụ hoạt động của đơn vị mình.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để cung cấp, kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung toàn tỉnh.

- Tình hình triển khai an toàn thông tin theo cấp độ. Kết quả triển khai phần mềm phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung.

- Tình hình phân công cán bộ phụ trách chuyển đổi số, an toàn thông tin. Triển khai đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về chuyển đổi số.

4. Hoạt động kinh tế số, xã hội số

- Đánh giá công tác thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx. Thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử. Tỷ lệ sản phẩm OCOP, sản phẩm có thể mạnh của địa phương đưa lên sàn thương mại điện tử Postmart.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến kỹ năng số cho người dân trên địa bàn.

- Triển khai các kênh tương tác trực tuyến (*trừ Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng dịch vụ công trực tuyến*) để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

5. Kinh phí chi cho chuyển đổi số

- Danh mục, quy trình triển khai các chương trình, dự án, hoạt động đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số ngành, địa phương.

- Tổng Kinh phí chi cho chuyển đổi số năm 2024.

- Kinh phí chi cho Kinh tế số: Chi phát triển và sử dụng các nền tảng số⁴; Chi hỗ trợ các Doanh nghiệp chuyển đổi số, sử dụng các nền tảng số, chi hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nền tảng số; Chi phát triển nền tảng số phục vụ doanh nghiệp. Chi Kinh tế số ngành, lĩnh vực (*chi chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế*). Chi triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế số trong chiến lược kinh tế số và xã hội số.

- Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số⁵.

- Các huyện, thành phố báo cáo tổng kinh phí bố trí thực hiện các hoạt

² Ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

³ Về tiếp tục thực hiện nghiêm việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

⁴ Theo Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về sửa đổi, bổ sung Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

⁵ Là kinh phí nguồn ngân sách nhà nước cấp cho việc hỗ trợ đưa người dân lên hoạt động trên môi trường mạng. Đối tượng hưởng tới là người dân. Ví dụ: đào tạo, tuyên truyền, cung cấp wifi miễn phí cho người dân truy cập,...

động, chương trình, đề án phục vụ chuyển đổi số năm 2023, năm 2024 và đánh giá tỷ lệ chi thường xuyên ngân sách đảm bảo thực hiện nhiệm vụ này so với tổng chi thường xuyên ngân sách cấp huyện, thành phố theo quy định tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

IV. ĐỐI TƯỢNG, KỲ KIỂM TRA, THỜI GIAN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Đối tượng và hình thức kiểm tra

a) Kiểm tra trực tiếp:

- Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Công Thương; Sở Y tế; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Ủy ban nhân dân các huyện: Đắk Hà, Đắk Tô, Sa Thầy (*trong đó, Đoàn Kiểm tra sẽ kiểm tra tại 02 xã do địa phương đề xuất*).

b) Kiểm tra qua báo cáo: Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân các huyện, thành phố (*ngoài các đơn vị, địa phương tại mục a*) tự kiểm tra, báo cáo kết quả về Đoàn kiểm tra (*qua Sở Thông tin và Truyền thông*) trước ngày 20 tháng 9 năm 2024 để kiểm tra, tổng hợp báo cáo.

2. Kỳ kiểm tra: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 15 tháng 9 năm 2024.

3. Thời gian kiểm tra⁶: Trong tháng 10 năm 2024 (*lich kiểm tra cụ thể do Trưởng đoàn kiểm tra thông báo cho các đơn vị, địa phương trước 05 ngày làm việc*).

4. Phương pháp kiểm tra

- Đoàn kiểm tra trực tiếp trên hồ sơ, chứng từ và các thiết bị, hệ thống thông tin tại các đơn vị, địa phương.

- Tổng hợp thông qua Biên bản kiểm tra và ban hành Thông báo kết quả kiểm tra.

5. Kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí chi cho hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh năm 2024.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các đơn vị, địa phương được kiểm tra trực tiếp

- Xây dựng báo cáo theo đề cương và gửi về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 20 tháng 9 năm 2024.

- Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, sổ sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp; bố trí phòng làm việc, cán bộ, công chức để làm việc với Đoàn kiểm tra và các điều kiện cần thiết phục vụ việc kiểm tra.

- Khi có sự thay đổi về lịch hoặc thời gian làm việc cần báo cáo Đoàn kiểm tra thông qua cán bộ đầu mối tiếp nhận thông tin của Đoàn kiểm tra.

2. Trách nhiệm Đoàn kiểm tra: Đoàn kiểm tra có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cho thành viên; tổ chức kiểm tra theo các nội dung tại Phần III Kế

⁶ Trường hợp thay đổi thời gian do công tác đột xuất, Đoàn Kiểm tra sẽ thông báo cho đơn vị, địa phương biết.

hoạch này.

3. Sở Thông tin và Truyền thông (Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh):

- Sau 05 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, tổng hợp báo cáo đánh giá về kết quả kiểm tra; đồng thời, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo, chấn chỉnh những hạn chế, yếu kém trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của các đơn vị, địa phương và kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét những khó khăn, bất cập phát sinh trong quá trình kiểm tra (nếu có) theo quy định.

- Cử cán bộ đầu mối tiếp nhận thông tin phản hồi từ các đơn vị, địa phương.

4. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh xem xét, chỉ đạo./. 

Nơi nhận:

- Chủ tịch; PCT UBND tỉnh-Y Ngọc;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP-Trà Thanh Trí;
- Lưu: VT, KGVX_{TPC}.

TRƯỞNG BAN



CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Ngọc Tuấn

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Phục vụ công tác kiểm tra chuyển đổi số năm 2024

*(Kèm theo Kế hoạch số 1905/KH-BCĐ ngày 02 tháng 6 năm 2024
của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh)*

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI ĐƠN VỊ

1. Công tác tổ chức, triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo điều hành về chuyển đổi số

- Việc quán triệt, tổ chức triển khai các nhiệm vụ được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao⁷.

- Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện hoạt động Chuyển đổi số; việc ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo về Chuyển đổi số của ngành, địa phương.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Xây dựng, thiết lập và duy trì thường xuyên các chuyên mục về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng; đưa tin, đặt bài, viết bài về chuyển đổi số trên trang tin điện tử, diễn đàn trực tuyến; tuyên truyền trên Cổng/Trang thông tin điện tử, mạng nội bộ của các cơ quan, tổ chức nhà nước.

- Xây dựng chuyên mục và tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở (đối với cấp huyện, xã).

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số.

(Cung cấp Danh sách tin/bài tuyên truyền trên trang Thông tin điện tử theo Phụ lục 01 đính kèm)

3. Thể chế số

- Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản về chuyển đổi số.

⁷ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18-02-2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1250/KH-UBND ngày 29-4-2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18-02-2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch 3894/KH-UBND ngày 15-10-2020 về “triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 419/KH-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 về phát huy ưu điểm và khắc phục một số tồn tại, hạn chế trong công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 4627/KH-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2024; Kế hoạch số 1214/KH-UBND ngày 9 tháng 4 năm 2024 về triển khai giải pháp thúc đẩy hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024 ; Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, Danh mục cơ sở dữ liệu mở tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; Văn bản số 969/UBND-KGVX ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 934/UBND-KGVX ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 3898/UBND-KGVX ngày 10 tháng 11 năm 2023 về tăng cường công tác quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh,...

- Ban hành văn bản hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số...

(Cung cấp danh mục các loại văn bản, chính sách đã ban hành theo Phụ lục 02 đính kèm)

4. Về hạ tầng số

- Đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước tại địa phương: *Tổng số máy tính; Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC; tỷ lệ các cơ quan trực thuộc có LAN, kết nối Internet tốc độ cao, kết nối WAN; hạ tầng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; Số lượng thiết bị CNTT khác: máy in, scan, tường lửa, ... Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến,...*

- Đánh giá tình hình quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông⁸.

(Cung cấp danh mục các thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin, đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, theo Phụ lục 03 đính kèm)

5. Nhân lực số

Đánh giá công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số, cụ thể:

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) phụ trách công nghệ thông tin *(Số lượng, trình độ chuyên môn và tình hình đào tạo bồi dưỡng);*

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị *(Số lượng CBCCVC có chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp; Số lượt CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về CNTT, an toàn thông tin, sử dụng các hệ thống, phần mềm).*

- Đánh giá việc triển khai thành lập và tổ chức hoạt động các Tổ công nghệ số cộng đồng đến cấp xã, cấp thôn, làng. Tỷ lệ Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã. Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng để phục vụ triển khai chuyển đổi số. Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức. Tình hình chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông.

- Phân công đầu mối thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. An toàn thông tin mạng

- Đánh giá tình hình an toàn thông tin tại địa phương *(hạ tầng trang thiết bị, nhân sự bố trí mảng an toàn thông tin; thống kê số lượt các hệ thống công nghệ*

⁸ Thông tư 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông

thông tin bị tấn công, số máy tính bị nhiễm virus, số lượng sự cố tự phát hiện tại đơn vị...);

- Tình hình triển khai việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và xây dựng phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; tình hình triển khai giải pháp phòng, chống mã độc bảo vệ cho máy chủ, máy trạm, thiết bị đầu cuối theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại. Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin.

7. Hoạt động chính quyền số

a) Công tác xây dựng, triển khai kế hoạch chuyển đổi số hàng năm

- Đánh giá kết quả triển khai chuyển đổi số năm 2023 tại đơn vị, địa phương, kết quả hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số đề ra trong năm 2023 so với Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 4325/KH-BCĐCĐS ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh về nâng cao chỉ số chuyển đổi số tỉnh Kon Tum.

b) Về ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành nội bộ cơ quan

- Tình hình sử dụng thư điện tử công vụ và chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

- Tình hình xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh (Tổng số văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước; tỷ lệ văn bản đến, đi hoàn toàn điện tử; tỷ lệ văn bản đi có ký số...).

- Tình hình tiếp nhận, xử lý hồ sơ thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan.

- Tình hình triển khai, thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024⁹; Văn bản số 1111/UBND-TTHCC ngày 03 tháng 4 năm 2024¹⁰.

- Tình hình thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; việc triển khai rà soát, đề xuất danh mục chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Việc triển khai các phần mềm chuyên ngành khác phục vụ quản lý, điều hành công việc tại cơ quan, địa phương (*như phần mềm kế toán, nhân sự, địa chính...; các phần mềm từ cơ quan Trung ương đang áp dụng thực hiện...*).

c) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

⁹ Ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

¹⁰ Về tiếp tục thực hiện nghiêm việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp trong quá trình cung cấp và xử lý dịch vụ công trực tuyến (tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần đã cung cấp; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến; tỷ lệ thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến...).

- Đánh giá việc cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.

8. Hoạt động kinh tế số, Xã hội số

- Đánh giá công tác thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx. Tỷ lệ sản phẩm OCOP, sản phẩm có thể mạnh của địa phương đưa lên sàn thương mại điện tử Vở sò và Postmart.

- Tình hình triển khai, tham gia các khóa học phổ biến kỹ năng số cho cán bộ công chức, người dân.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các kênh tương tác trực tuyến (*trừ Cổng thông tin điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh*) để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

9. Kinh phí thực hiện nội dung chuyển đổi số

- Đánh giá việc bố trí kinh phí phát triển chuyển đổi số so với kế hoạch; kết quả, hiệu quả đầu tư (*báo cáo rõ tổng kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số năm 2023; chi tiết các hạng mục, nội dung triển khai*).

- Đánh giá việc thực hiện Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước¹¹.

- Danh mục các chương trình, dự án, hoạt động đầu tư, thuê dịch vụ CNTT phục vụ chuyển đổi số ngành, địa phương (*theo Phụ lục 04 đính kèm*).

- Tổng Kinh phí chi cho chuyển đổi số năm 2024.

- Kinh phí chi cho Kinh tế số: Chi phát triển và sử dụng các nền tảng số (*Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về sửa đổi, bổ sung Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số*); Chi hỗ trợ các Doanh nghiệp chuyển đổi số, sử dụng các nền tảng số, chi hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nền tảng số; Chi phát triển nền tảng số phục vụ doanh nghiệp. Chi Kinh tế số ngành, lĩnh vực (chi chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế). Chi triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế số trong chiến lược kinh tế số và xã hội số.

- Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số (*là*

¹¹ theo Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 5 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ và Văn bản số 3466/UBND-KGVX ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

kinh phí nguồn ngân sách nhà nước cấp cho việc hỗ trợ đưa người dân lên hoạt động trên môi trường mạng. Đối tượng hưởng tới là người dân. Ví dụ: đào tạo, tuyên truyền, cung cấp wifi miễn phí cho người dân truy cập, ...).

- Các huyện, thành phố báo cáo tổng kinh phí bố trí thực hiện các hoạt động, chương trình, đề án phục vụ chuyển đổi số năm 2023, năm 2024 (đến 30/4/2024) và đánh giá tỷ lệ chi thường xuyên ngân sách đảm bảo thực hiện nhiệm vụ này so với tổng chi thường xuyên ngân sách cấp huyện, thành phố theo quy định tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đánh giá các ưu điểm, hạn chế, tồn tại, nguyên nhân và các khó khăn vướng mắc về các nội dung tại **Mục II**, gồm các nội dung:

- 1. Ưu điểm**
- 2. Khuyết điểm**
- 3. Nguyên nhân**
- 4. Giải pháp khắc phục**

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Đề xuất, kiến nghị đối với các cơ quan Trung ương, địa phương các nội dung thiết thực để đơn vị, địa phương có thể triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ chuyển đổi số.

Phụ lục 01
Danh sách tin bài tuyên truyền trên trang thông tin điện tử

STT	Tên bài viết	Thời gian đăng tải	Ghi chú

Phụ lục 02
Danh mục các loại văn bản, chính sách đã ban hành

STT	Số ký hiệu	Trích yếu	Ngày ban hành	Người ký	Ghi chú

Phụ lục 03
**Danh mục hạ tầng công nghệ thông tin, Đài truyền thanh ứng dụng CNTT-
VT**

STT	Tên thiết bị	Cấu hình	Ghi chú
I	Hạ tầng CNTT		
1			
2			
...			
II	Thiết bị Đài CNTT-VT		

Phụ lục 04
Danh mục đầu tư cho công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Tổng dự toán/ Tổng mức đầu tư (đồng)	Tổng kinh phí giải ngân (đồng)	Theo hình thức^(*)	Ghi chú
01					
02					

*** Theo hình thức:**

- (1): Lập dự án.
- (2) Lập Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin.
- (3) Lập đề cương và dự toán chi tiết.